

Số: 42-18/DSG-ĐT  
V/v Đề án Tuyển sinh năm 2018

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2018

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

### Mã trường: DSG

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### I.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử:

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
- Sứ mệnh: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ, với các trình độ: cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh; Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước
- Địa chỉ: Số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: Website trường <http://www.stu.edu.vn>

##### I.2. Quy mô đào tạo:

Bảng 1: Quy mô đào tạo tính đến 31/12/2017

	Quy mô hiện tại						
	Đại học					Cao đẳng sư phạm	
	Giáo dục chính quy			Giáo dục thường xuyên		Giáo dục chính quy	Giáo dục thường xuyên
	Cao học	Đại học	Liên thông đại học	Đại học	Liên thông đại học		
Nhóm ngành I							
Nhóm ngành II							
Nhóm ngành III	0	2063	68	5			
Nhóm ngành IV							
Nhóm ngành V	24	3839	393	9	3		
Nhóm ngành VI							
Nhóm ngành VII							
<b>Tổng cộng:</b>	<b>24</b>	<b>5902</b>	<b>461</b>	<b>14</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

##### I.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của hai năm gần nhất:

- Phương thức tuyển sinh của hai năm gần nhất:
  - Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia;
  - Xét tuyển học bạ lớp 12 trung học phổ thông (THPT).
- Điểm trúng tuyển của hai năm gần nhất – lấy từ kết quả kỳ thi THPT quốc gia:

- Điểm chuẩn trúng tuyển lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ( $\geq$  ngưỡng) do Bộ GD&ĐT quy định.
- Điểm chuẩn trúng tuyển thay đổi tùy theo đợt xét tuyển của thí sinh. Điểm chuẩn thấp nhất bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ( $=$  ngưỡng).

Bảng 2: Thông tin tuyển sinh năm 2016

Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	
				Số lượng	Điểm T/Tuyển
<b>Khối ngành III</b>					
Quản trị Kinh doanh	52340101	Toán + Vật lý + Hóa học	300	232	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
<b>Khối ngành V</b>					
Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	52510203	Toán + Vật lý + Hóa học	120	46	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	52510301	Toán + Vật lý + Hóa học	120	57	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	52510302	Toán + Vật lý + Hóa học	120	17	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Thông tin	52480201	Toán + Vật lý + Hóa học	200	160	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Thực phẩm	52540101	Toán + Vật lý + Hóa học	120	54	$\geq 15$ điểm
		Toán + Hóa học + Sinh học			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Kỹ thuật Công trình Xây dựng	52580201	Toán + Vật lý + Hóa học	80	51	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Thiết kế Công nghiệp	52210402	Toán + Vật lý + Hóa học	50	26	$\geq 15$ điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			

Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	
				Số lượng	Điểm T/Tuyển
		Ngữ văn + Ngoại ngữ + Năng khiếu (Vẽ)			

*Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, Vẽ trang trí, Vẽ hình họa, ...) tại các Trường Đại học có tổ chức thi môn năng khiếu để xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.*

**Bảng 3: Thông tin tuyển sinh năm 2017**

Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	
				Số lượng	Điểm T/Tuyển
<b>Nhóm ngành III</b>					
Quản trị Kinh doanh	52340101	Toán + Vật lý + Hóa học	250	212	16,75 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
<b>Nhóm ngành V</b>					
Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	52510203	Toán + Vật lý + Hóa học	55	71	15,50 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	52510301	Toán + Vật lý + Hóa học	55	61	15,50 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	52510302	Toán + Vật lý + Hóa học	55	18	15,50 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Thông tin	52480201	Toán + Vật lý + Hóa học	100	186	17,75 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Công nghệ Thực phẩm	52540101	Toán + Vật lý + Hóa học	100	102	15,50 điểm
		Toán + Hóa học + Sinh học			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Kỹ thuật Công trình Xây dựng	52580201	Toán + Vật lý + Hóa học	55	58	15,50 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa học			
Thiết kế Công nghiệp	52210402	Toán + Vật lý + Hóa học	55	24	15,50 điểm
		Toán + Vật lý + Ngoại ngữ			

Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	
				Số lượng	Điểm T/Tuyển
		Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ			
		Ngữ văn + Ngoại ngữ + Năng khiếu (Vẽ)			

*Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, Vẽ trang trí, Vẽ hình họa, ...) tại các Trường Đại học có tổ chức thi môn năng khiếu để xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.*

*Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017 là 1.450 chỉ tiêu; trong đó, 50% dành cho phương thức xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia và 50% dành cho xét tuyển tuyển bằng học bạ.*

## II. THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CỦA NĂM 2018

### II.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được xét tuyển/thi tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:
  - Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề, ... Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT);
  - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
  - Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được xét tuyển / thi tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.
- Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được xét tuyển/thi tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:
  - Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự;
  - Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
  - Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);
  - Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi; cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

II.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

### II.3. Phương thức tuyển sinh:

Trong năm 2018, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tổ chức tuyển sinh đại học chính quy với các phương thức cụ thể như sau:

- Phương thức tuyển sinh chung: Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Trường quy định (1).
  - + Xét theo tổ hợp điểm của các MÔN THI THÀNH PHẦN

- + Xét theo tổ hợp điểm của các BÀI THI
- Phương thức tuyển sinh riêng: Sử dụng kết quả học tập Lớp 12 THPT để xét tuyển (2).
- + Xét tuyển theo điểm học bạ Lớp 12 THPT.

#### II.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 2.250 chỉ tiêu đại học chính quy

Bảng 4: Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh đại học năm 2018

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	
		Kết quả thi THPT 50% chỉ tiêu	Học bạ 50% chỉ tiêu
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	100	100
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	100	100
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	100	100
Công nghệ thông tin	7480201	150	150
Công nghệ thực phẩm	7540101	175	175
Quản trị kinh doanh	7340101	300	300
Kỹ thuật xây dựng	7580201	125	125
Thiết kế công nghiệp	7210402	75	75
		<b>1.125</b>	<b>1.125</b>

Trong đó:

Chỉ tiêu dành cho thí sinh xét tuyển theo phương thức (1) ⇔ Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia năm 2018. Chiếm 50% chỉ tiêu chung.

Chỉ tiêu dành cho thí sinh xét tuyển theo phương thức (2) ⇔ Xét tuyển bằng học bạ Lớp 12 THPT. Chiếm 50% chỉ tiêu chung.

#### II.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận xét tuyển:

1. Trường sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận xét tuyển và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
2. Thời điểm công bố:
  - (1) Đối với trường hợp xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia, Trường sẽ công bố trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển;
  - (2) Đối với trường hợp xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT, Trường sẽ công bố trước thời điểm nhận đăng ký xét tuyển. Dự kiến điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 5,0 – 6,0 điểm đối với trình độ đại học.

#### II.6. Thông tin cần thiết để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường:

1. Tên trường: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
2. Mã trường: **DSG**
3. Địa chỉ đào tạo: Số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: +84.8.38505520
5. Số fax: +84.8.38506595
6. Địa chỉ trang web: <http://www.stu.edu.vn>
7. Ngành, mã ngành và các tổ hợp xét tuyển:
  - (1) **Phương thức sử dụng điểm thi THPT quốc gia năm 2018 để xét tuyển.**

Bảng 5: Ngành, mã ngành và các tổ hợp xét tuyển theo phương thức sử dụng điểm thi THPT quốc gia năm 2018

Các ngành đào tạo	Đại học	Các tổ hợp xét tuyển
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Khoa học tự nhiên
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Khoa học tự nhiên
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Khoa học tự nhiên
Công nghệ thông tin	7480201	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Văn + Lý
Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Sinh
		Toán + Hóa + Sinh
Quản trị kinh doanh	7340101	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Văn + Ngoại ngữ + Khoa học xã hội
Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Khoa học xã hội
Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Văn + Ngoại ngữ + Khoa học xã hội
		Văn + Tiếng Anh + Vẽ mỹ thuật

Trong đó:

Điểm các môn thi thành phần được quy về thang điểm 10,0 để xét tuyển.

Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, Vẽ trang trí, Vẽ hình họa, ...) tại các Trường Đại học có tổ chức thi môn năng khiếu để xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

(2) Phương thức sử dụng học bạ Lớp 12 THPT để xét tuyển.

Bảng 6: Ngành, mã ngành và các tổ hợp xét tuyển theo phương thức sử dụng học bạ Lớp 12 THPT để xét tuyển

Các ngành đào tạo	Đại học	Các tổ hợp xét tuyển
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa
Công nghệ thông tin	7480201	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Văn + Lý
Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán + Lý + Hóa
		Toán + Hóa + Sinh
		Toán + Ngoại ngữ + Sinh
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa
Quản trị kinh doanh	7340101	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Văn + Ngoại ngữ + Sử
Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Toán + Ngoại ngữ + Hóa
Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán + Văn + Ngoại ngữ
		Toán + Lý + Hóa
		Toán + Ngoại ngữ + Lý
		Văn + Ngoại ngữ + Vẽ mỹ thuật

Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, Vẽ trang trí, Vẽ hình họa, ...) tại các Trường Đại học có tổ chức thi môn năng khiếu để xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

(3) Công thức xét tuyển:  $M_{XT} = (M_1 + M_2 + M_3) + M_{UT\_KV} + M_{UT\_ĐT}$

+ Trong đó:

- $M_{XT}$ : Điểm tổng dùng để xét tuyển;
- $M_1$ ;  $M_2$  và  $M_3$ : Lần lượt là điểm các môn thi/bài thi trong tổ hợp xét tuyển. Điểm các môn thi thành phần được quy về thang điểm 10,0 để xét tuyển. Điểm được làm tròn đến 0,25 điểm.
- $M_{UT\_KV}$  và  $M_{UT\_ĐT}$ : Điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ Cách thức xét tuyển:

- Xét điểm  $M_{XT}$  theo tiêu chí từ điểm cao xuống thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

## II.7. Tổ chức tuyển sinh:

1. Thời gian xét tuyển:

- Thực hiện theo lịch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Chia làm nhiều đợt xét tuyển. Trong trường hợp cần thiết, Trường tuyển sinh nhiều đợt trong năm.

2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển của thí sinh:

Địa chỉ Văn phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn  
Số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: +84 – 38.505520

(1) Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia:

- Thực hiện theo quy trình chung của Bộ GD&ĐT quy định.
- Xét tuyển đợt 1:
  - + Thực hiện theo quy trình chung của Bộ GD&ĐT quy định.
- Xét tuyển đợt bổ sung:
  - + Tùy theo chỉ tiêu tuyển sinh còn lại sau đợt 1 mà Hội đồng Tuyển sinh trường sẽ xem xét, quyết định các nội dung xét tuyển bổ sung;
  - + Trường thông báo điều kiện xét tuyển bổ sung và công bố lịch xét tuyển;
  - + Hồ sơ xét tuyển nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT và của Trường.

(2) Xét tuyển bằng học bạ Lớp 12 THPT:

- Hồ sơ xét tuyển nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT và của Trường.
- Hồ sơ xét tuyển:
  - + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (có thể tải từ trang thông tin điện tử của trường);
  - + Bản sao có chứng thực: Học bạ THPT, Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);
  - + Giấy chứng nhận ưu tiên khu vực và đối tượng trong tuyển sinh (nếu có);
  - + Hai bì thư có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận.



- II.8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Áp dụng các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Bộ GD&ĐT quy định trong quy chế tuyển sinh hàng năm.
- II.9. Lệ phí tuyển sinh: Thu lệ phí xét tuyển theo quy định hiện hành.
- II.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):
- Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy: Tùy theo ngành, từ 10.588.000 đồng/học kỳ đến 13.310.000 đồng/học kỳ. Một năm thu hai học kỳ.
  - Lộ trình tăng học phí cho từng năm là từ 5% đến 10%.

### III. THỜI GIAN DỰ KIẾN TUYỂN SINH CÁC ĐỢT BỔ SUNG TRONG NĂM

1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1 (nếu có): Tháng 08/2018
2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2 (nếu có): Thông báo chi tiết sau.

### IV. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

#### IV.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:
  - Tổng diện tích đất của trường: 20.000 m<sup>2</sup>
  - Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 30.000 m<sup>2</sup>
  - Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 500 chỗ.

Bảng 7: Một số hạng mục xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo

Hạng mục	Diện tích sàn
Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	10.903 m <sup>2</sup>
Thư viện, trung tâm học liệu	686 m <sup>2</sup>
Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	10.049 m <sup>2</sup>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>21.638 m<sup>2</sup></b>

2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

Bảng 8: Danh mục phòng thực hành, phòng thí nghiệm

STT	Tên phòng	Vị trí
1	Phòng Multimedia	A207.1
2	Phòng thí nghiệm Máy điện	A208.1
3	Phòng thí nghiệm Mạch và Đo	A208.2
4	Phòng thí nghiệm CAD/ Schneider Electric	A209.1
5	Xưởng thực tập điện	A209.2
6	Khoa tiếng Anh	A304
7	Phòng học Lab	A305
8	Phòng Lab 1	A308.1
9	Phòng Lab 2	A308.2
10	Phòng Lab 3	A308.3
11	Phòng Server Lab	A309.1
12	Phòng Server Lab	A309.2

STT	Tên phòng	Vị trí
13	Phòng thí nghiệm Khoa học Thực phẩm 1	B101
14	Phòng thí nghiệm Cảm quan 1	B102
15	Phòng thí nghiệm Khoa học Thực phẩm 2	B103
16	Phòng thí nghiệm Cảm quan 2	B104
17	Phòng thí nghiệm Khí nén và Thủy lực 1	B105
18	Phòng thí nghiệm Công nghệ Sinh học Thực phẩm 1	B106
19	Phòng thí nghiệm Khí nén và Thủy lực 2	B107
20	Phòng thí nghiệm Công nghệ Sinh học Thực phẩm 2	B108
21	Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Cơ học đất	B109
22	Xưởng điện tử	B201
23	Phòng thực hành DynEd tiếng Anh	B202
24	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật Điện tử	B203
25	Phòng thí nghiệm Công nghệ Chip	B204
26	Phòng thí nghiệm Điện tử số	B205
27	Phòng thí nghiệm Thông tin Sợi quang	B206
28	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện	B207
29	Phòng thí nghiệm Tự động hóa 2	B208
30	Phòng thí nghiệm Tự động hóa 1	B209
31	Phòng thí nghiệm Tự động hóa 2	B210
32	Phòng thí nghiệm Tự động hóa 1	B211
33	Phòng thí nghiệm Điện tử Viễn thông	B301
34	Phòng máy tính 5	B302
35	Phòng thí nghiệm Điện tử Viễn thông	B303
36	Phòng máy tính 4	B304
37	Phòng máy tính 9	B305
38	Phòng máy tính 3	B306
39	Phòng máy tính 8	B307
40	Phòng máy tính 2	B308
41	Phòng máy tính 7	B309
42	Phòng máy tính 1	B310
43	Phòng máy tính 6	B311
44	Trung tâm máy tính	B312
45	Phòng thí nghiệm Viễn thông Cơ sở - CLB Sáng tạo	B401
46	Phòng máy tính Khoa QTKD	B402.2
47	Phòng thí nghiệm Điều khiển Tự động, Điện tử công suất, PLC	B403
48	Phòng máy tính Khoa QTKD	B404.1
49	Phòng máy tính Khoa KTCT	B404.2
50	Trung tâm Internet	B405
51	Trung tâm Tính toán Ứng dụng	B406
52	Phòng thí nghiệm Phát triển Sản phẩm	C100
53	Studio - Ảnh	C201
54	Studio - Đồ họa 1	C206
55	Studio - Nội thất 1	C207

STT	Tên phòng	Vị trí
56	Studio - Đồ họa 2	C208
57	Studio - Nội thất 2	C209
58	Studio - Tạo dáng 1	C210
59	Studio - Tạo dáng 2	C212
60	Studio - Thời trang	C214
61	Xưởng vẽ Hình họa - Phòng Dụng cụ (Giá vẽ, tượng, tranh, ...)	C902
62	Studio - Hình họa	C904
63	Studio - Hình họa	C905
64	Studio - Hình họa	C906
65	Xưởng Điều khắc và Hình khối	D102
66	Xưởng Điều khắc và Hình khối	D103
67	Phòng thực tập Trắc địa	D104
68	Phòng thí nghiệm Sức bền Vật liệu	D105
69	Phòng thí nghiệm Chế biến 1	D106
70	Phòng thí nghiệm Chế biến 2	D107
71	Phòng thí nghiệm Chế biến 2	D108
72	Phòng rửa mạch in của Xưởng thực tập điện tử	D109
73	Xưởng cơ khí	D110
74	Phòng thí nghiệm Vật lý	D111

### 3. Thống kê phòng học:

Bảng 9: Thống kê các loại phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	20
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	30
4	Phòng học dưới 50 chỗ	18
5	Số phòng học đa phương tiện	21

### 4. Thống kê học liệu (sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

#### (1) Số lượng sách, tạp chí trong thư viện:

Bảng 10: Thống kê về số lượng sách, tạp chí, trong thư viện

Nhóm ngành đào tạo	Số lượng sách tại Thư viện	Số lượng sách tại Khoa, Ban, Trung tâm	Tổng cộng
<b>Khối ngành III</b>	<b>2827</b>	<b>412</b>	<b>3239</b>
Quản trị Kinh doanh	2827	412	3239
<b>Khối ngành V</b>	<b>5666</b>	<b>988</b>	<b>8805</b>
Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	554		554
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	2153	263	2416
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	301		301
Công nghệ Thông tin	138	322	1702
Công nghệ Thực phẩm	568	356	924
Kỹ thuật Công trình Xây dựng	101	47	1057
Thiết kế Công nghiệp	1851		1851
Sách dùng chung	4643	999	5642
<b>Tổng cộng</b>	<b>13136</b>	<b>2399</b>	<b>17686</b>

- (2) Ebook, cơ sở dữ liệu điện tử: Trường đang mua quyền truy cập 04 cơ sở dữ liệu sau:
- CSDL IEEE
  - CSDL Proquest
  - CSDL Springer
  - CSDL Thomson Innovation

#### IV.2. Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu (xem danh sách chi tiết trong phụ lục 1)

Cán bộ, giảng viên cơ hữu có 82,07% giảng viên có trình độ sau đại học, về học hàm có 2 giáo sư và 09 phó giáo sư; về trình độ có 1 tiến sĩ khoa học; 45 tiến sĩ, 193 thạc sĩ và 51 kỹ sư/cử nhân.

#### IV.3. Danh sách cán bộ, giảng viên thỉnh giảng (xem danh sách chi tiết trong phụ lục 2)

Ngoài ra, trường còn có thể mời trên 500 giảng viên, cán bộ quản lý và kỹ thuật đến từ các học viện, đại học, viện nghiên cứu ... và các doanh nghiệp trong cả nước để sinh viên có cơ hội học tập, làm việc với đội ngũ giảng viên, chuyên gia có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm.

#### IV.4. Tình hình việc làm (thống kê cho hai khóa tốt nghiệp gần nhất)

Bảng 11: Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong hai năm gần nhất

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh chung	Số SV nhập học	Số SV tốt nghiệp (*)	Số SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng
<b>Khóa tuyển sinh 2012</b>	<b>1.800</b>	<b>796</b>		
- Đại học Khối ngành III		269	226	>95%
- Đại học Khối ngành V		527	308	>95%
<b>Khóa tuyển sinh 2013</b>	<b>1.800</b>	<b>1.452</b>		
- Đại học Khối ngành III		446	364	>95%
- Đại học Khối ngành V		1006	470	>95%

(\*) Số sinh viên tốt nghiệp sau đợt xét thứ nhất (khóa 2013) và đợt thứ hai (khóa 2012). Các khóa còn tiếp tục được xét tốt nghiệp.

#### IV.5. Tài chính:

1. Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2017 của Trường: 140.888.000.000 đồng.
2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/năm của năm 2017 là 14.800.000 đồng/sinh viên/năm, không bao gồm một số khoản chi khác.

Trên đây là Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và phê duyệt.

Trân trọng,

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT
- Hội đồng Quản trị;
- Hiệu trưởng;
- Lưu Phòng Đào tạo;
- Lưu Phòng Hành chính – Quản trị.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Hào Thi